

# MỘT SỐ KHÍA CẠNH PHÁP LÝ CỦA QUYỀN HƯỞNG DỤNG XÁC LẬP THEO LUẬT ĐỊNH TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢI\*

*Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận và quy định về quyền hưởng dụng là một điểm mới rất tiến bộ. Tuy nhiên hiện nay quy định về quyền hưởng dụng trong Bộ luật còn nhiều điểm bất cập, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn. Trong đó có sự chưa rõ ràng về chủ thể được hưởng dụng và phạm vi hưởng quyền trong trường hợp quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định. Bài viết sẽ làm rõ một số khía cạnh pháp lý về chủ thể và phạm vi hưởng quyền đối với quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định.*

*Từ khóa: Quyền hưởng dụng, vật quyền, tài sản, Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Ngày nhận bài: 06/05/2022; Biên tập xong: 19/05/2022; Duyệt đăng: 11/06/2022*

The 2015 Civil Code recognizes and regulates the usufruct right as a very progressive new point. However, the current regulations on this right still remain many shortcomings and are not really consistent with reality, including ambiguity about the subject of usufruct right and the scope of entitlement of this right in case it is established by law. The article will clarify some legal aspects about the subject and the scope of entitlement to the statutory usufruct right.

**Keywords:** Usufruct right, property rights, property, the 2015 Civil Code.

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, quyền hưởng dụng là một chế định pháp lý lần đầu tiên được ghi nhận và quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015. Tuy nhiên, đây không phải là một chế định pháp lý mới của các nước theo hệ thống luật thành văn. Nguồn gốc ra đời của quyền hưởng dụng được các nhà nghiên cứu pháp lý cho rằng xuất hiện từ thời luật cổ La Mã và được hoàn thiện trong pháp luật của Đức. Quyền hưởng dụng là một nội dung được ghi nhận trong học thuyết vật quyền từ thời La Mã cổ đại. Theo học thuyết vật quyền, ngoài vật quyền chính là quyền sở hữu thì còn có các vật quyền hạn chế khác, trong đó có quyền hưởng dụng. Quyền hưởng dụng được coi là một vật quyền hạn chế. Bởi đây là quyền khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản thuộc sở hữu của chủ thể khác. Do đó chủ thể có quyền hưởng dụng chỉ

có quyền khai thác tài sản, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản mà không bao giờ có quyền định đoạt đối với tài sản đó. Khi hết thời hạn hưởng dụng thì chủ thể có quyền hưởng dụng phải hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Ở các nước theo hệ thống luật thành văn có sự kế thừa và ảnh hưởng từ học thuyết vật quyền như: Đức, Pháp, Nhật Bản<sup>1</sup>, Hà Lan<sup>2</sup>,... đều ghi nhận và quy định về quyền hưởng dụng. Hình thức ghi nhận này dù ở mức độ khác nhau nhưng đều được đề cập trong BLDS, bởi trong học thuyết vật quyền có nguyên tắc luật định (Numerus clausus). Tức là các vật quyền phải được ghi nhận và quy định trong luật, các chủ thể không

*\* Thạc sĩ, Khoa Pháp luật dân sự và Kiểm sát dân sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

<sup>1</sup> Xem ThS. Lê Thị Hoàng Thanh - ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng, "Giới thiệu nội dung cơ bản của chế định vật quyền", Tạp chí Thông tin khoa học pháp lý số 5/2015.

<sup>2</sup> Bram Akkermans, (2008), *The Principles of Numerus clausus in European Property Law*, Luận án tiến sĩ bảo vệ tại Maastricht University.

thể tự mình tạo ra các vật quyền mới. Ở Việt Nam, thời kỳ trước đây quyền hưởng dụng đã được đề cập trong Sắc lệnh điền thổ năm 1925 hay trong các Bộ dân luật như: Bộ dân luật Bắc Kỳ năm 1931, Bộ dân luật Trung Kỳ năm 1936, Bộ dân luật Sài Gòn năm 1972. Ở pháp luật các quốc gia kế thừa học thuyết vật quyền cũng như ở pháp luật Việt Nam trước đây khi ghi nhận về quyền hưởng dụng đều có quy định cụ thể về căn cứ xác lập quyền hưởng dụng. Theo đó, quyền hưởng dụng được xác lập dựa trên căn cứ luật định và theo ý chí của chủ thể. Về căn cứ xác lập quyền hưởng dụng theo luật định ở thời kỳ Luật La Mã hay ở pháp luật của Đức, Pháp, Nhật Bản hay ở pháp luật Việt Nam thời kỳ trước đây đều có quy định tương đối cụ thể về việc xác định chủ thể nào có quyền hưởng dụng theo quy định của luật và phạm vi hưởng quyền của những chủ thể này như thế nào để có sự tách biệt với chủ thể và phạm vi hưởng dụng của những chủ thể có quyền hưởng dụng theo ý chí của chủ thể. Hiện nay, trong BLDS năm 2015 cũng có quy định về căn cứ xác lập quyền hưởng dụng là: Quyền hưởng dụng được xác lập theo quy định của luật, theo thỏa thuận, theo di chúc<sup>3</sup>. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 không có quy định cụ thể nào để xác định ai là người được hưởng dụng theo quy định của luật và phạm vi quyền của những người này như thế nào? Chính điều này đã gây ra những khó khăn, vướng mắc nhất định khi áp dụng các quy định về quyền hưởng dụng trên thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu và làm rõ hai nội dung: Thứ nhất về chủ thể có quyền hưởng dụng theo quy định của luật; thứ hai về phạm vi hưởng quyền của chủ thể

có quyền hưởng dụng theo quy định của luật. Thông qua đó, tác giả đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về hai nội dung trên trong pháp luật Việt Nam.

### 2. Chủ thể có quyền hưởng dụng theo luật định

Ngay từ thời Luật La Mã khi đưa ra quy định về quyền hưởng dụng dưới tên gọi là quyền dụng ích cá nhân là nhằm hướng tới bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của những người gần gũi, thân thích nhất với chủ sở hữu<sup>4</sup>. Đó thường là cha, mẹ, vợ, con của chủ sở hữu. Sau này, xã hội phát triển và đã mở rộng phạm vi những người có quyền hưởng dụng ngoài những người thân thiết nhất với chủ sở hữu thì còn có thể là bất kỳ ai nếu được chủ sở hữu cho phép. Trường hợp này, quyền hưởng dụng thường được xác lập dựa trên ý chí của chủ sở hữu. Mặc dù pháp luật thời kỳ La Mã trải qua các thời kỳ phát triển khác nhau nhưng về bản chất, quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định vẫn hướng tới chủ thể là những người thân thiết nhất với chủ sở hữu bởi đây là những chủ thể mà chủ sở hữu có nghĩa vụ chăm sóc, cấp dưỡng. Do đó nếu chủ sở hữu không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đó thì thay vì các chủ thể đó phải khởi kiện yêu cầu chủ sở hữu thực hiện nghĩa vụ thì họ có quyền được sử dụng và hưởng hoa lợi phát sinh từ tài sản của chủ sở hữu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của mình. Rõ ràng khi trao cho các chủ thể này quyền được hưởng dụng tài sản với tư cách là một vật quyền theo luật định (tức là các

<sup>3</sup> Điều 258 BLDS năm 2015.

<sup>4</sup> Xem Bùi Đăng Hiếu, "Hệ thống các vật quyền trong pháp luật dân sự", Kỷ yếu hội thảo khoa học "Sửa đổi các quy định về tài sản và quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015", Hà Nội, tháng 5/2014.

chủ thể tự mình tác động lên tài sản để sử dụng và hưởng lợi) sẽ mạnh hơn rất nhiều so với việc các chủ thể này chỉ có quyền yêu cầu chủ sở hữu thực hiện nghĩa vụ với tư cách là một trái quyền. Đồng thời, điều này mang lại sự chủ động, kịp thời cho chủ thể có quyền hưởng dụng thay vì trông chờ vào chủ sở hữu.

Trong quy định về quyền hưởng dụng của một số quốc gia có sự ảnh hưởng rõ nét của học thuyết vật quyền như Pháp, Đức, Hà Lan,.. hay trong pháp luật Việt Nam giai đoạn trước đây, mặc dù không có quy định cụ thể về chủ thể có quyền hưởng dụng theo quy định của luật nhưng chúng ta vẫn có thể suy ra được các chủ thể này thông qua quy định về nội dung của quyền hưởng dụng. Như trong BLDS của Pháp khi quy định về quyền hưởng dụng đã phân thành hai quyền cơ bản là quyền hưởng hoa lợi, lợi tức (từ Điều 578 đến Điều 624) với quyền sử dụng và quyền cư dụng (từ Điều 625 đến Điều 636)<sup>5</sup>. Bộ dân luật Bắc Kỳ năm 1931 và Bộ dân luật Trung kỳ năm 1936 thì quy định quyền hưởng dụng bao gồm có quyền ứng dụng thu lợi, quyền dùng và quyền ở<sup>6</sup>. Bộ dân luật Sài Gòn năm 1972 quy định quyền hưởng dụng bao gồm có quyền dụng ích (quyền thu hoa lợi, lợi tức), quyền hành dụng và quyền cư dụng<sup>7</sup>. Trong quy định về nội dung của quyền hưởng dụng thì các BLDS nêu trên đều có quy định riêng về quyền dùng và quyền ở. Chủ thể và phạm vi hưởng quyền dùng và quyền ở rất khác so với quyền hưởng hoa lợi, lợi tức. Chủ thể

hướng tới ở đây là những người có quan hệ gần gũi, thân thích với chủ sở hữu như: Cha, mẹ, vợ, chồng, con của chủ sở hữu. Đây là những người được sử dụng tài sản để đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày (quyền sử dụng) và được ở trong nhà của chủ sở hữu (quyền cư dụng). Họ đương nhiên có các quyền này mà không phụ thuộc ý chí của chủ sở hữu.

Pháp luật Việt Nam hiện nay không có một quy định cụ thể nào về việc xác định chủ thể nào là người có quyền hưởng dụng theo quy định của luật mặc dù tại Điều 258 BLDS năm 2015<sup>8</sup> đưa ra quy định về căn cứ xác lập quyền hưởng dụng có căn cứ xác lập theo quy định của luật. Đồng thời, khi quy định về nội dung quyền hưởng dụng thì BLDS năm 2015 cũng chỉ quy định chung là quyền hưởng hoa lợi, lợi tức. Như vậy, có thể hiểu mọi chủ thể mặc dù được xác lập quyền hưởng dụng dựa trên căn cứ quy định của luật hay dựa trên sự thỏa thuận hoặc di chúc đều có quyền hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản của chủ sở hữu. Quy định như hiện nay là chưa phù hợp với bản chất của quyền hưởng dụng được xác lập theo quy định của luật như tác giả đã phân tích ở trên. Sự không rõ ràng trong quy định này đã dẫn đến bất cập khi vận dụng quy định của luật, đồng thời chưa thể hiện được tính định hướng và bao quát với những văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan như Luật Hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định tại Điều 63: *“Nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng đã đưa vào sử dụng chung thì khi ly hôn vẫn thuộc sở hữu riêng của người đó; trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ*

<sup>5</sup> Xem bản dịch BLDS Pháp của Nhà pháp luật Việt Nam, Nxb. Tư pháp, 2005.

<sup>6</sup> Xem Phan Văn Thiết, *Dân luật tu tri*, 1961.

<sup>7</sup> Xem từ Điều 417 đến Điều 462 Bộ dân luật Sài Gòn năm 1972.

<sup>8</sup> Xem Điều 258 BLDS năm 2015.

ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”. Rõ ràng quy định này thể hiện quyền lưu cư (quyền ở) của vợ hoặc chồng đối với tài sản thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng được xác lập theo luật định.

Để khắc phục điểm bất cập, hạn chế này, tác giả kiến nghị theo hướng: *Bổ sung quy định cụ thể về chủ thể có quyền hưởng dụng và các trường hợp được xác lập quyền hưởng dụng theo luật định vào trong quy định của BLDS năm 2015 và các luật chuyên ngành có liên quan.* Theo đó, các chủ thể có mối quan hệ gần gũi, thân thích nhất với chủ sở hữu như: Cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc những người mà chủ sở hữu có nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ được xác lập quyền hưởng dụng theo luật định. Bởi lẽ, pháp luật Việt Nam nói riêng và pháp luật các quốc gia chịu ảnh hưởng của học thuyết vật quyền khi đưa ra các quy định về vật quyền đều chịu sự điều chỉnh của nguyên tắc luật định (nguyên tắc Numerus clausus). Đây là nguyên tắc cơ bản, quan trọng của học thuyết vật quyền. Nội dung của nguyên tắc Numerus clausus thể hiện ở hai khía cạnh: Một là giới hạn số lượng các quyền đối với tài sản mà các chủ thể có thể tạo ra; hai là ngăn cản việc tùy chỉnh nội dung của các quyền tài sản được phép. Các chủ thể không thể tự tạo ra nội dung của các quyền tài sản mà phải tuân theo các quy định trong luật<sup>9</sup>. Như vậy, quyền hưởng dụng được hiểu là quyền luật định, nội dung quyền hưởng dụng phải được quy định cụ thể trong luật. Hơn nữa, quyền hưởng dụng là một vật quyền hạn chế (quyền hạn chế đối với tài sản) nên cần phải quy định rõ về chủ thể có quyền

hưởng dụng trong trường hợp quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định.

### 3. Phạm vi hưởng quyền của các chủ thể có quyền hưởng dụng theo luật định

Pháp luật Việt Nam khi xây dựng quy định về quyền hưởng dụng trong BLDS năm 2015 có sự ảnh hưởng rõ nét của học thuyết vật quyền. Tuy nhiên, luật La Mã hay luật của các nước Pháp, Đức,... và trong pháp luật Việt Nam thời kỳ trước đây khi quy định về quyền hưởng dụng đều có sự phân tách quyền hưởng hoa lợi, lợi tức với quyền sử dụng và quyền cư dụng. Điều đó đồng nghĩa với việc khi một chủ thể được xác lập quyền hưởng dụng không có nghĩa là họ có cả hai nội dung của quyền hưởng dụng. Nhưng trong quy định của BLDS năm 2015 chỉ đề cập chung nội dung của quyền hưởng dụng sẽ bao hàm cả quyền khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức. Như vậy, khi một chủ thể được xác lập quyền hưởng dụng, họ sẽ có cả hai quyền. Quy định này dẫn đến bất cập ở chỗ bất cứ chủ thể nào được xác lập quyền hưởng dụng theo quy định của luật hay theo ý chí của chủ sở hữu thì đều có quyền như nhau. Điều này là bất hợp lý bởi quyền của người hưởng dụng được xác lập dựa trên ý chí của chủ sở hữu sẽ phải khác với quyền của người hưởng dụng xác lập theo quy định của luật. Đây cũng chính là điểm bất cập dẫn đến việc khó có thể xác định chủ thể nào là người có quyền hưởng dụng theo quy định của luật mà tác giả đã đề cập ở nội dung thứ nhất trong bài viết. Xét dưới góc độ bản chất sơ khai ban đầu của quyền hưởng dụng trong luật cổ La Mã thì thấy rằng, quyền hưởng dụng được cấp cho cá nhân có mối quan hệ thân thiết với chủ sở hữu và không mang tính đền bù. Đối chiếu với

<sup>9</sup> Bram Akkermans, (2008), *The Principles of Numerus clausus in European Property Law*, Luận án tiến sĩ bảo vệ tại Maastricht University.

quyền của người hưởng dụng theo quy định của luật cũng nhận thấy rằng chủ thể được xác lập quyền hưởng dụng là những cá nhân có mối quan hệ gần gũi, thân thiết nhất với chủ sở hữu và quyền hưởng dụng được cấp trong trường hợp này thường không mang tính đền bù. Do đó, phạm vi hưởng quyền thường giới hạn ở quyền sử dụng tài sản (quyền dùng và quyền ở). Còn đối với quyền hưởng hoa lợi, lợi tức nếu có cũng chỉ ở mức độ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày chứ không được hưởng hoa lợi, lợi tức nhằm tích lũy mang lại lợi ích cho mình như quyền hưởng dụng được xác lập theo ý chí của chủ thể.

Để khắc phục điểm bất cập này trong quy định của BLDS năm 2015, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng: *Tách nội dung quyền hưởng dụng ra thành quyền hưởng hoa lợi, lợi tức với quyền dùng và quyền ở. Trong đó, xác định phạm vi hưởng quyền của chủ thể có quyền hưởng dụng theo quy định của luật chỉ có quyền dùng và quyền ở. Đồng thời, BLDS đưa ra quy định mang tính chất nguyên tắc xác định chủ thể, phạm vi hưởng quyền của quyền dùng và quyền ở. Còn các quy định cụ thể được xác định trong các luật chuyên ngành như: Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai, Luật Nhà ở,...* Nội dung này chúng ta có thể tham khảo quy định trong BLDS Pháp và các bộ dân luật thời kỳ trước của Việt Nam. Cụ thể, từ Điều 625 đến Điều 636 BLDS Pháp quy định về quyền sử dụng và quyền cư dụng, trong đó xác định rất cụ thể về phạm vi được sử dụng tài sản của chủ thể xác lập quyền hưởng dụng theo luật định. Tại các Điều 628 đến Điều 634 quy định: *Quyền sử dụng và quyền cư dụng được điều chỉnh bằng văn bản xác lập quyền, các điều khoản trong văn bản phải xác định phạm vi sử dụng và cư*

*dụng. Trường hợp văn bản không xác định rõ phạm vi sử dụng và cư dụng thì người được quyền sử dụng được khai thác công dụng tài sản và chỉ được hưởng hoa lợi, lợi tức vừa đủ cho nhu cầu của mình. Người có quyền cư dụng chỉ được dùng tài sản để ở đáp ứng nhu cầu của mình. Đồng thời quyền sử dụng và quyền cư dụng không được chuyển nhượng hoặc cho thuê<sup>10</sup>.*

Pháp luật Việt Nam cần có quy định cụ thể về chủ thể, phạm vi của quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định trong BLDS năm 2015 và các luật chuyên ngành có liên quan như Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai, Luật Nhà ở,... để có sự tiếp cận đầy đủ với học thuyết vật quyền. Đồng thời, sự rõ ràng trong quy định của pháp luật về chủ thể và phạm vi hưởng quyền trong trường hợp quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định sẽ khắc phục được điểm hạn chế, bất cập cũng như áp dụng hiệu quả vào thực tiễn./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;
2. Bộ luật Dân sự Pháp;
3. Bram Akkermans, (2008), *The Principles of Numerus clausus in European Property Law*, Luận án tiến sĩ bảo vệ tại Maastricht University;
4. Bùi Đăng Hiếu, "Hệ thống các vật quyền trong pháp luật dân sự", Kỷ yếu hội thảo khoa học "Sửa đổi các quy định về tài sản và quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015", Hà Nội tháng 5/2014;
5. ThS. Lê Thị Hoàng Thanh - ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng, "Giới thiệu nội dung cơ bản của chế định vật quyền", Tạp chí Thông tin khoa học pháp lý số 5/2015;
6. Phan Văn Thiết, *Dân luật tu tri*, 1961.

<sup>10</sup> Xem: Bản dịch BLDS Pháp của Nhà pháp luật Việt Nam, Nxb. Tư pháp, 2005.